

Bản án số: **179/2024/HC-PT**

Ngày 22/5/2024

V/v: **“Khiếu kiện quyết định hành chính
về lĩnh vực quản lý đất đai”**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Phạm Ngọc Thái**
Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Tấn Long**
 bà **Trần Thị Kim Liên**

- Thư ký phiên tòa: ông **Lương Quang Toàn** – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Đỗ Xuân Ân** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 16/2024/TLPT-HC ngày 08 tháng 01 năm 2024 về việc **“Khiếu kiện quyết định hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai”**; do Bản án hành chính sơ thẩm số 167/2023/HC-ST ngày 23 /9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 858/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: ông **Phạm Văn N**, sinh năm 1954; địa chỉ: tổ A, thôn Đ, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông N: Luật sư **Phạm Xuân L** - Văn phòng L2 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Q; có mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố H.

Địa chỉ: Số I T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo uỷ quyền của UBND thành phố H: ông **Nguyễn Minh L1** - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thành phố H:

+ Ông Nguyễn Thế P - Chuyên viên Phòng T2 trường thành phố H; có mặt.

+ Ông Nguyễn Đức T - Công chức Địa chính - Xây dựng phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Thị T1, sinh năm 1957; địa chỉ: khối A, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

2. Bà Phạm Thị C, sinh năm 1961; địa chỉ: thôn L, xã Y, thành phố K, tỉnh KonTum; vắng mặt.

3. Bà Phạm Thị C1, sinh năm 1963; địa chỉ: thôn N, xã Y, thành phố K, tỉnh KonTum; vắng mặt.

4. Ông Phạm C2, sinh năm 1966; địa chỉ: khối A, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

5. Bà Phạm Thị X, sinh năm 1969; địa chỉ: thôn T, xã Y, thành phố K, tỉnh KonTum; vắng mặt.

6. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1970; địa chỉ: thôn N, xã Y, thành phố K, tỉnh Kon Tum; vắng mặt.

7. Bà Phạm Thị X1, sinh năm 1972; địa chỉ: thôn T, xã Y, thành phố K, tỉnh KonTum; vắng mặt.

8. Bà Phạm Thị B, sinh năm 1968; địa chỉ: khối P, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

- Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Phạm Văn N

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Ông Phạm Văn N là người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1930 (chết ngày 25/12/2017). Khi bà Nguyễn Thị Đ còn sống có quản lý sử dụng diện tích 1.584,2m² đất, loại đất màu, trong diện tích đất này có nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, thuộc thửa đất số 28, tờ bản đồ số 28 tại phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam có kê khai đăng ký. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Viết tắt là GCNQSDĐ) là thửa đất số 284, tờ bản đồ số 5 diện tích 678m², loại đất màu tại phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Đến ngày 30/10/2019, Ủy ban nhân dân thành phố H thu hồi diện tích 126,9m², loại đất màu, thửa đất số 28 (284), tờ bản đồ số 28 (5) tại phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam và diện tích đất còn lại là 1457,3m² theo sổ mục kê thể hiện bà Nguyễn Thị Đ kê khai đăng ký. Qua đo đạc thực tế hiện trạng sử dụng đất hiện nay thửa đất số 28 (284), tờ bản đồ số 28 (5) tại phường C, thành phố H,

tỉnh Quảng Nam có diện tích 1.461m², tăng 850,8m² so với diện tích cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Đồn . Vì vậy, ông đã làm thủ tục đăng ký biến động diện tích sử dụng đất thực tế tăng so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật và ngày 03/4/2023, Ủy ban nhân dân thành phố H đã có văn bản số 673/UBND về việc thông tin cho công dân có nội dung: không có cơ sở xem xét, giải quyết việc công nhận diện tích tăng do đo đạc lại tại thửa đất trên theo đề nghị của ông Phạm Văn N - đại diện hộ bà Nguyễn Thị Đ (đã mất), vì diện tích tăng thêm do lấn chiếm đất nghĩa địa là không đúng quy định pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông cũng như những người đồng thừa kế khác theo quy định của pháp luật. Bởi vì, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Đ năm 2003 không có sơ đồ thửa đất, không đo đạc thực tế và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng với hiện trạng sử dụng đất, chỉ cấp giấy chứng nhận theo hồ sơ đăng ký kê khai cũ nên không đúng với thực tế sử dụng đất và không đúng quy định pháp luật.

Đồng thời, thửa đất số 28 (284), tờ bản đồ số 28 (5) tại phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam do hộ gia đình ông quản lý sử dụng có ranh giới, mốc giới, giới cận từ thời điểm bắt đầu sử dụng đất đến nay không có gì thay đổi nên Ủy ban nhân dân thành phố H phải căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 98 Luật đất đai năm 2013 để điều chỉnh diện tích sử dụng đất thực tế tăng so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông theo quy định của pháp luật. Do đó, ông Phạm Văn N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án:

- Hủy Văn bản số 673/UBND ngày 03/4/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc thông tin cho công dân;

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố H công nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 850,8m² thuộc thửa đất số 28 (284), tờ bản đồ số 08 (5), tổng diện tích 1.461m² (theo *Trích đo địa chính thửa đất số 2769/CNVPĐKĐĐ do Chi nhánh Văn phòng Đ1 lập ngày 06/8/2020*) tại phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam cho các đồng thừa kế của bà Nguyễn Thị Đ (do ông Phạm Văn N đại diện) theo đúng quy định pháp luật.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án, người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày tại phiên tòa:

Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất: hộ bà Nguyễn Thị Đ (Chết) đại diện là ông Phạm Văn N; (sau đây gọi là gia đình ông Phạm Văn N) hiện đang sử dụng thửa đất số 284, tờ bản đồ số 5 (theo hồ sơ Nghị định 64/CP của Chính phủ), diện tích 610,2m² loại đất màu, được UBND thị xã (nay là thành phố) Hội An cấp GCNQSDĐ số S 3975691 ký ngày 30/12/2003. Theo Nghị định số 64/CP của Chính phủ, thửa đất này là thửa đất số 284, tờ bản đồ số 5, diện tích 678m² loại đất màu, do bà Nguyễn Thị Đ kê khai, đăng ký. Còn theo hệ tọa độ VN2000 tại phường C thì thửa đất này là một phần diện tích của thửa đất số 28,

tờ bản đồ số 28, diện tích 1.584,2m², loại đất BHK, sổ mục kê thể hiện bà Nguyễn Thị Đ là người sử dụng. Hiện nay, thửa đất số 284, tờ bản đồ số 5 mà gia đình bà Đ đã được cấp GCNQSDĐ đã chỉnh lý giảm diện tích 67,8m² do thu hồi để thực hiện dự án Khu đô thị A (phân khu 1), như vậy diện tích thửa đất trên còn lại là 610,2m², loại đất màu.

Đối với phần diện tích 850,8m² mà ông Phạm Văn N đang có đơn yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất cho gia đình Ông, được thể hiện qua quá trình kê khai đăng ký như sau: Theo hồ sơ đăng ký Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ là một phần diện tích thuộc tờ bản đồ số 02, không thể hiện số thửa. Theo hồ sơ đăng ký Nghị định 64/CP của Chính phủ thuộc một phần thửa đất số N.262, tờ bản đồ số 05, diện tích 21.370m², loại đất Nghĩa địa. Theo hồ sơ đo mới VN2000, diện tích 850,8m² nói trên thuộc một phần diện tích của thửa đất số 28, tờ bản đồ số 28, diện tích 1584,2m², loại đất BHK, sổ mục kê thể hiện bà Nguyễn Thị Đ đăng ký.

Theo Báo cáo số 184/BC-UBND ngày 15/11/2022 của UBND phường C thì: “Vị trí, diện tích tăng 850,8m² theo hồ sơ đăng ký Chỉ thị 299/TTg là thuộc tờ bản đồ số 02, không thể hiện số thửa. Theo hồ sơ đăng ký Nghị định 64/CP là thuộc một phần thửa đất số N.262, tờ bản đồ số 05, diện tích 21.370m², loại đất Nghĩa địa. Theo hồ sơ đo mới VN2000, phần diện tích 850,8m² thuộc một phần thửa đất số 28, tờ bản đồ số 28, diện tích 1.584,2m², loại đất BHK, sổ mục kê thể hiện bà Nguyễn Thị Đ đăng ký. Hiện trạng sử dụng đất đã thay đổi (tăng diện tích 850,8m²) so với GCNQSD đất. Hiện trạng tại vị trí phần diện tích tăng 850,8m² có một móng nhà đã bị bỏ hoang, một công trình nhà vệ sinh đã bị hư hại không còn khả năng sử dụng, một số cây lâu năm. Phần diện tích tăng so với GCNQSD đất thuộc một phần thửa đất số N.262, tờ bản đồ số 5, diện tích 21.370m², loại đất nghĩa địa theo hồ sơ 64/CP. Như vậy, diện tích tăng là do lấn đất Nghĩa địa...”. Việc sử dụng đất không đúng với ranh giới theo GCNQSD đất đã cấp, không đủ điều kiện để cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết việc công nhận diện tích tăng do được đo đạc lại theo quy định tại Khoản 5 Điều 98 Luật đất đai năm 2013 tại thửa đất số 28, tờ bản đồ số 28, phường C. Do đó, Công văn số 673/UBND ngày 03/4/2023 của UBND thành phố H về việc thông tin cho công dân là đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Hiện nay, vị trí thửa đất trên thuộc Khu thương mại dịch vụ nghỉ dưỡng An Bàng (trừ phân khu 1) đã được UBND tỉnh Q chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định chủ trương đầu tư số 442/QĐ-UBND ngày 15/02/2019 cho Công ty TNHH P1. Theo Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 tại thành phố H (được UBND tỉnh Q phê duyệt tại Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 20/4/2023) và Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 (được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 07/6/2023) thì thửa đất trên được quy hoạch là đất khu đô thị.

Từ những cơ sở trên, UBND Thành phố nhận thấy việc sử dụng đất của hộ ông Phạm Văn N là không có một trong các loại giấy tờ theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013, vi phạm chính sách đất đai và không phù hợp với quy hoạch. Căn cứ quy định tại Khoản 2, Điều 101 Luật Đất đai năm 2013 thì không có cơ sở để công nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 850,8m² thuộc thửa đất số 28(284), tờ bản đồ số 08(5), phường C. Do đó, các yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn N bao gồm: “*Hủy Công văn số 673/UBND ngày 03/4/2023 của UBND thành phố H về việc thông tin cho công dân; Buộc UBND thành phố H công nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 850,8m² thuộc thửa đất số 28(284), tờ bản đồ số 08(5), tổng diện tích 1.461m² (theo Trích đo địa chính thửa đất số 2769/CNVPĐKĐĐ do Chi nhánh Văn phòng Đ1 lập ngày 06/8/2020) tại phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam cho các đồng thừa kế của bà Nguyễn Thị Đ (do ông Phạm Văn N đại diện) theo đúng quy định pháp luật*” là không có cơ sở xem xét. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn N là không có cơ sở xem xét, giải quyết.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 167/2023/HC-ST ngày 23/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính 2015;

Căn cứ khoản 5 Điều 98; Điều 100, Điều 101 Luật Đất đai 2013; Điều 18; Điều 22 của Nghị định 43/CP/2014 ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 2013; Khoản 2, Điều 3; Điều 14, Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn N về việc yêu cầu:

- Hủy Công văn số 673/UBND ngày 03/4/2023 của UBND thành phố H về việc thông tin cho công dân;

- Buộc UBND thành phố Hội An công nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 850,8m² thuộc thửa đất số 28(284), tờ bản đồ số 08(5), tổng diện tích 1.461m² (theo Trích đo địa chính thửa đất số 2769/CNVPĐKĐĐ do Chi nhánh Văn phòng Đ1 lập ngày 06/8/2020) tại phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam cho các đồng thừa kế của bà Nguyễn Thị Đ (do ông Phạm Văn N đại diện) theo đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, ngày 04/10/2023 người khởi kiện là ông Phạm Văn N có đơn kháng cáo, với nội dung: kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị Tòa phúc thẩm, sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm: người khởi kiện là ông Phạm Văn N vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nêu quan điểm giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính, bác yêu cầu kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện thì thấy:

[1.1] Ông Phạm Văn N trình bày: Ông là người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1930 (chết năm 2017). Khi bà Nguyễn Thị Đ còn sống có quản lý sử dụng diện tích đất 1584,2m², loại đất màu, có nhà ở và trồng cây lâu năm tại khối T, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Ngày 30/12/2003. Ủy ban nhân dân thị xã H (nay là thành phố H) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) cho hộ bà Nguyễn Thị Đ, diện tích 678m², tại thửa đất số 284, tờ bản đồ số 5, loại đất màu. Ngày 02/6/2021, Chi nhánh Văn phòng Đ1 chỉnh lý biến động diện tích 678m² của hộ bà Đ còn 610,2m², loại đất trồng cây lâu năm, lý do đã thu hồi xây dựng khu đô thị A, phân khu I theo Quyết định số 1290/QĐ-UBND ngày 23/10/2019 của UBND thành phố H. Theo trích đo hiện trạng thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Hội An xác lập ngày 06/8/2020 thì hiện trạng thửa đất có diện tích 1.461m². Diện tích theo GCNQSDĐ 610,2m². Diện tích tăng so với GCNQSDĐ là 850,8m². Vì vậy, ông đã làm thủ tục đăng ký biến động diện tích sử dụng đất thực tế tăng so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật và ngày 03/4/2023, Ủy ban nhân dân thành phố H đã có văn bản số 673/UBND có nội dung: không công nhận diện tích tăng do đo đạc lại tại thửa đất trên theo đề nghị của ông Phạm Văn N, vì diện tích tăng thêm do lấn chiếm đất nghĩa địa là không đúng pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông cũng như những người đồng thừa kế khác.

[1.2] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy: đối với phần diện tích 850,8m² mà ông N đang có đơn yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất cho gia đình, được thể hiện qua quá trình kê khai đăng ký như sau: Theo hồ sơ đăng ký Chi thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ là một phần diện tích của tờ bản đồ số 02, không thể hiện số thửa. Theo hồ sơ đăng ký Nghị định 64/CP của Chính phủ thuộc một phần thửa đất số N.262, tờ bản đồ số 05, diện tích 21.370m², loại đất Nghĩa địa. Theo hồ sơ đo mới VN2000, diện tích 850,8m² nói trên thuộc một phần diện tích của thửa đất

số 28, tờ bản đồ số 28, diện tích 1584,2m², loại đất BHK, sổ mục kê thể hiện bà Nguyễn Thị Đ đăng ký.

Theo Báo cáo số 184/BC-UBND ngày 15/11/2022 của UBND phường C thì: “Vị trí, diện tích tăng 850,8m² theo hồ sơ đăng ký Chỉ thị 299/TTg là thuộc tờ bản đồ số 02, không thể hiện số thửa. Theo hồ sơ đăng ký Nghị định 64/CP là thuộc một phần thửa đất số N.262, tờ bản đồ số 05, diện tích 21.370m², loại đất Nghĩa địa. Theo hồ sơ do mới VN2000, phần diện tích 850,8m² thuộc một phần thửa đất số 28, tờ bản đồ số 08, diện tích 1.584,2m², loại đất BHK, sổ mục kê thể hiện bà Nguyễn Thị Đ đăng ký. Hiện trạng sử dụng đất đã thay đổi (tăng diện tích 850,8m²) so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện trạng về tài sản gắn liền với đất theo biên bản xem xét tại chỗ ngày 15/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam. Tại vị trí phần diện tích tăng 850,8m² có một móng nhà đã bị bỏ hoang, một công trình nhà vệ sinh đã bị hư hại không còn mái, không còn công năng sử dụng, một số cây lâu năm. Như vậy, hồ sơ xác nhận nguồn gốc đất và hiện trạng sử dụng đất của gia đình ông Phạm Văn N phần diện tích 850,8m² thuộc một phần thửa đất số 28, tờ bản đồ số 28 phường C, gia đình ông N không kê khai, đăng ký qua các thời kỳ, không có các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất theo Điều 100 Luật Đất đai 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014.

[1.3] Phần diện tích tăng so với GCNQSDĐ theo trích đo địa chính thửa đất số 2769/CNVPĐKĐĐ ngày 06/8/2020 của Chi nhánh Văn phòng Đ1 đã lồng ghép ranh giới thửa đất theo hiện trạng sử dụng, ranh giới theo GCNQSDĐ đã cấp và ranh giới thửa đất theo VN - 2000 sau khi thu hồi thể hiện không cùng ranh giới, kích thước và không cùng hình thể thửa đất được Ủy ban nhân dân thành phố H cấp GCNQSDĐ cho hộ bà Nguyễn Thị Đ theo hồ sơ Nghị định 64/CP. Vì vậy có căn cứ xác định diện tích tăng theo hiện trạng là do lấn đất Nghĩa địa...”. Việc sử dụng đất không đúng với ranh giới theo GCNQSDĐ đã cấp, nên không đủ điều kiện để cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết việc công nhận diện tích tăng do được đo đạc lại theo quy định tại Khoản 5 Điều 98 Luật đất đai năm 2013 tại thửa đất số 28, tờ bản đồ số 28, phường C. Do đó, Công văn số 673/UBND ngày 03/4/2023 của UBND thành phố H về việc thông tin cho công dân là đúng pháp luật nên yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn N không có căn cứ chấp nhận.

[2] Đối với yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố H công nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 850,8m² cho các đồng thừa kế của bà Nguyễn Thị Đ (do ông Phạm Văn N đại diện) theo đúng quy định pháp luật:

Với những vấn đề như đã phân tích trên, thì thấy: việc sử dụng đất của hộ ông Phạm Văn N không có một trong các loại giấy tờ theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013, vi phạm chính sách đất đai và không phù hợp với quy hoạch. Hiện nay, vị trí thửa đất trên thuộc Khu thương mại dịch vụ nghỉ dưỡng An Bàng (trừ phân khu 1) đã được UBND tỉnh Q chấp thuận chủ trương đầu tư

tại Quyết định chủ trương đầu tư số 442/QĐ-UBND ngày 15/02/2019 cho Công ty TNHH P1. Theo Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 tại thành phố H (được UBND tỉnh Q phê duyệt tại Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 20/4/2023) và Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 (được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 07/6/2023) thì thửa đất trên được quy hoạch là đất khu đô thị. Căn cứ quy định tại Khoản 2, Điều 101 Luật Đất đai năm 2013 thì không có cơ sở để công nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 850,8m² thuộc thửa đất số 28(284), tờ bản đồ số 08(5), phường C. Do đó, các yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn N buộc UBND thành phố H công nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 850,8m² thuộc thửa đất số 28(284), tờ bản đồ số 08(5), tổng diện tích 1.461m² (theo Trích đo địa chính thửa đất số 2769/CNVPĐKĐĐ do Chi nhánh Văn phòng Đ1 lập ngày 06/8/2020) tại phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam cho các đồng thừa kế của bà Nguyễn Thị Đ (do ông Phạm Văn N đại diện) theo đúng quy định pháp luật là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ những nhận định trên, xét thấy, Bản án sơ thẩm đã bác các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là đúng pháp luật. Tại phiên phúc thẩm, ông Phạm Văn N kháng cáo nhưng không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ mới nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có căn cứ chấp nhận; do đó Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Do người kháng cáo bị bác kháng cáo nên người khởi kiện là ông Phạm Văn N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy ông Phạm Văn N là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng Hành chính năm 2015;

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Phạm Văn N, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 167/2023/HC-ST ngày 23/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

2. Về án phí phúc thẩm: Áp dụng Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009; điểm đ khoản 1 Điều 12 khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Miễn nộp tiền án phí hành chính phúc thẩm cho ông Phạm Văn N.

3. Bản án phúc thẩm có lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Ngọc Thái